

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN GIANG BIÊN

BẢNG LƯƠNG THÁNG 09 NĂM 2021 (Hợp đồng 68/CP và GV hợp đồng trường)

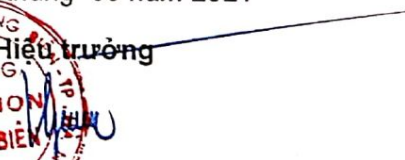
STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	Mức lương tối thiểu vùng	Trừ các khoản BH	Phụ cấp		Thực lĩnh	Ký nhận
					HS PC trách nhiệm	Thực lĩnh		
	Hợp đồng 68/CP		13,260,000	1,392,300			11,867,700	
1	Nguyễn Tiến Dũng	01.011	4,420,000	464,100			3,955,900	
2	Vũ Văn Dũng	01.011	4,420,000	464,100			3,955,900	
3	Nguyễn Gia Chiến	01.011	4,420,000	464,100			3,955,900	
	GVHD trường		2,364,700	496,587	-	-	1,868,113	
1	Nguyễn Thị Dung		2,364,700	496,587		0	1,868,113	
	Tổng cộng		15,624,700	1,888,887	0.00	-	13,735,813	

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười ba đồng./.

Kế toán


Trương Thị Dịu

Ngày 15 tháng 09 năm 2021


Hiệu trưởng

Hoàng Thị Phương

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN GIANG BIÊN

BẢNG LƯƠNG NGÂN SÁCH THÁNG 09 NĂM 2021
Lương cơ bản 1490.000 đồng (Lao động hợp đồng định mức)

STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	HỆ SỐ LƯƠNG	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp		TỔNG CỘNG	Ký nhận
							HS PC trách nhiệm	Thực lĩnh		
	Lao động HĐDM									
1	Nguyễn Thị Minh Thư	01.007	2.91	4,335,900	455,270	3,880,630			3,880,630	
2	Nguyễn Thị Yên	01.007	2.19	3,263,100	342,626	2,920,474			2,920,474	
3	Ngô Thị Hoàn	01.007	2.55	3,799,500	398,948	3,400,552			3,400,552	
4	Nguyễn Thị Thảo	01.007	2.19	3,263,100	342,625	2,920,475			2,920,475	
5	Đỗ Thị Ánh Phương	01.017	2.55	3,799,500	398,947	3,400,553	0.15	223,500	3,624,053	
6	Nguyễn Thị Hằng	01.007	2.55	3,799,500	398,947	3,400,553			3,400,553	
7	Phạm Thị Tươi	01.007	2.19	3,263,100	342,625	2,920,475			2,920,475	
8	Nguyễn Thị Thanh Hương	01.007	2.19	3,263,100	342,625	2,920,475			2,920,475	
9	Hoàng Thị Hà Yên	01.007	2.01	2,994,900	314,465	2,680,435			2,680,435	
	Tổng cộng		21.33	31,781,700	3,337,078	28,444,622	0.15	223,500	28,668,122	

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng.

Kế toán

Trương Thị Diệu

Ngày 15 tháng 09 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi họ tên)

Hoàng Thị Phương

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN GIANG BIÊN

BẢNG LƯƠNG VIÊN CHỨC THÁNG 09 NĂM 2021
Lương cơ bản 280.000

ĐVT: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	HỆ SỐ LƯU ON G	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp lương										Tổng trừ các khoản BH	TỔNG CỘNG	Ký nhận			
							PC CV	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	% PCT NN G	HS	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	HSP C ngàn h				Thành tiền	PCT N	Thực lĩnh
I	Ban giám hiệu		10,45	2.926.000	307.230	2.618.770	1,2	336.000	35.280	300.720	0,47	1,826	611,168	53,674	457,494	4,0775	1,141,700	0	0	396,184	4.518,684	
1	Hoàng Thị Phương	V.07.02.05	3,34	835.200	98.196	837.004	0,50	140.000	14.700	125.300	15%	0,5760	161,280	16,934	144,346	1,344	376,320			129.830	1.482.970	
2	Anh Vũ Thị Kiều	V.07.02.06	3,46	968.800	101.724	867.076	0,35	98.000	10.290	87.710	16%	0,6096	170,688	17,923	152,765	1,334	373,380			129.937	1.480.931	
3	Nguyễn Thị Ngân	V.07.02.05	3,65	1.022.000	107.310	914.690	0,35	98.000	10.290	87.710	16%	0,6400	179.200	18,817	160,383	1,400	392.000			136.417	1.554,783	
II	Nhân viên		6,12	1.713.600	179.928	1.533.672	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,3	84.000	179.928	1.617,672		
1	Trương Thị Dịu	06.032	3,36	912.800	95.844	816.956												0,1	28.000	95.844	844,956	
2	Phùng T Kim Ninh	01.004	2,88	800.800	84.084	716.716														84.084	772,716	
III	Giáo viên		86,59	24245200	2545746	21699454	0,00	0,00	0,00	0,00	2,71	8,64	2.419,816	254,078	2.165,738	30,31	8.486,820	0,65	182.000	2.799,824	32.533,012	
1	Vũ Thị Hằng	V.07.02.05	3,96	1.108.800	116.424	992.376		0	0	0	25%	0,9900	277.200	29.106	248.094	1,386	388.080			145.530	1.628.550	
2	Nguyễn T Thu Dung	V.07.02.06	3,86	1.080.800	113.484	967.316		0	0	0	25%	0,9650	270.200	28.371	241.829	1,351	378.280		0	141.855	1.587,425	
3	Đào Thị Lan	V.07.02.05	3,96	1.108.800	116.424	992.376		0	0	0	25%	0,9900	277.200	29.106	248.094	1,386	388.080		0	145.530	1.628.550	
4	Nguyễn Thị Hương	V.07.02.05	3,96	1.108.800	116.424	992.376		0	0	0	25%	0,9900	277.200	29.106	248.094	1,386	388.080		0	145.530	1.628.550	
5	Nguyễn Hải Yến	V.07.02.05	3,34	935.200	98.196	837.004		0	0	0	13%	0,4342	121.576	12,765	108.811	1,169	327.320		0	110.961	1.273,135	
6	Tà T Thị Quỳnh Anh	V.07.02.05	3,34	935.200	98.196	837.004		0	0	0	14%	0,4676	130.928	13,748	117.180	1,169	327.320	0,15	42.000	111,944	1.323,504	
7	Vũ Thị Thuý	V.07.02.05	3,03	848.400	89.082	759.318		0	0	0	11%	0,3333	93.324	9,799	83.525	1,061	296,940	0,2	56.000	98.881	1.195,783	
8	Trần Thị Trà My	V.07.02.05	2,41	674.800	70.854	603.946		0	0	0	6%	0,1446	40.488	4,251	36.237	0,844	236,160		0	75,105	876,363	
9	Hoàng Yến	V.07.02.06	2,46	688.800	72.324	616.476		0	0	0	6%	0,1476	41.328	4,339	36.989	0,861	241,080		0	76,663	894,545	
10	Vũ Thị Huyền	V.07.02.05	2,72	761.600	79.968	681.632		0	0	0	9%	0,2448	68.544	7,197	61.347	0,952	266,560		0	87,165	1.009,539	
11	Nguyễn Thị Hải Yến	V.07.02.06	2,46	688.800	72.324	616.476		0	0	0	6%	0,1476	41.328	4,339	36.989	0,861	241,080		0	76,663	894,545	
12	Nguyễn Thị Hằng	V.07.02.06	2,36	800.800	84.084	716.716		0	0	0	10%	0,2860	80.080	8,408	71.672	1,001	280,280		0	92,492	1.069,668	
13	Nguyễn Thị Mỹ	V.07.02.05	2,41	674.800	70.854	603.946		0	0	0	6%	0,1446	40.488	4,251	36,237	0,844	236,180		0	75,105	876,363	
14	Nguyễn Thị Hoà	V.07.02.06	2,36	800.800	84.084	716.716		0	0	0	9%	0,2574	72.072	7,568	64,504	1,001	280,280	0,15	42.000	91,652	1.103,500	



STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	HỆ SỐ LƯU ON G	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp lương											HSP C ngàn h	Thành tiền	PCT N	Thực lĩnh	Tổng trừ các khoản BH	TỔNG CỘNG	nhận
							PC CV	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	% PCT NN G	HS	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh									
15	Nguyễn Thị Oanh	V.07.02.05	2.72	761,600	79,968	681,632			0		0	9%	0.2448	68,544	7,197	61,347	0.952	266,560		0	87,165	1,009,539		
16	Bùi Thị Thu Hằng	V.07.02.06	2.66	744,800	78,204	666,596			0		0	9%	0.2394	67,032	7,038	59,994	0.931	260,680		0	85,242	987,270		
17	Đào Thị Thanh Thủy	V.07.02.06	2.66	744,800	78,204	666,596			0		0	8%	0.2128	59,584	6,256	53,328	0.931	260,680		0	84,460	980,604		
18	Nguyễn Thị Tran	V.07.02.06	2.66	744,800	78,204	666,596			0		0	8%	0.2128	59,584	6,256	53,328	0.931	260,680		0	84,460	980,604		
19	Nguyễn Thị Hồng	V.07.02.05	2.72	761,600	79,968	681,632			0		0	8%	0.2176	60,928	6,397	54,531	0.952	266,560		0	86,365	1,002,723		
20	Lê Thị Huệ	V.07.02.05	2.41	674,800	70,854	603,946			0		0	6%	0.1446	40,488	4,251	36,237	0.844	236,180		0	75,105	876,363		
21	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.07.02.06	2.46	688,800	72,324	616,476			0		0	6%	0.1476	41,328	4,339	36,989	0.861	241,080		0	76,663	894,545		
22	Đỗ Thị Hương	V.07.02.05	2.72	761,600	79,968	681,632			0		0	7%	0.1904	53,312	5,598	47,714	0.952	266,560		0	85,566	995,906		
23	Lê Thị Liên	V.07.02.06	2.46	688,800	72,324	616,476			0		0	7%	0.1722	48,216	5,063	43,153	0.861	241,080		0	77,387	900,709		
24	Nguyễn Thị Thương	V.07.02.05	2.41	674,800	70,854	603,946			0		0	5%	0.1205	33,740	3,543	30,197	0.844	236,180	0.15	42,000	74,397	912,323		
25	Nguyễn Thị Hồng Phương	V.07.02.06	2.06	576,800	60,564	516,236			0		0			0	0	0	0.721	201,880		0	60,564	718,116		
26	Trần Thị Hồng Liên	V.07.02.06	2.06	576,800	60,564	516,236			0		0			0	0	0	0.721	201,880		0	60,564	718,116		
27	Nguyễn Thị Xen	V.07.02.06	2.46	688,800	72,324	616,476			0		0	8%	0.1968	55,104	5,786	49,318	0.861	241,080		0	78,110	906,874		
28	Nguyễn Thùy Dương	V.07.02.06	2.1	588,000	61,740	526,260			0		0			0	0	0	0.735	205,800		0	61,740	732,060		
29	Nguyễn Thị Bích Phượng	V.07.02.06	2.1	588,000	61,740	526,260			0		0			0	0	0	0.735	205,800		0	61,740	732,060		
30	Nguyễn Thị Mai Anh	V.07.02.06	2.1	588,000	61,740	526,260			0		0			0	0	0	0.735	205,800		0	61,740	732,060		
31	Nguyễn Thị Nhung	V.07.02.06	2.1	588,000	61,740	526,260			0		0			0	0	0	0.735	205,800		0	61,740	732,060		
32	Nguyễn Minh Yến	V.07.02.06	2.1	588,000	61,740	526,260			0		0			0	0	0	0.735	205,800		0	61,740	732,060		
37	Tổng cộng		103.16	28,884,800	3,032,904	25,851,896	1.20	336,000	35,280	#####	3.18	10.4678	2,930,984	307,752	2,623,232	34.3440	9,627,520	0.95	266,000	3,375,936	38,669,368			

Số tiền bằng chữ: Ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng./.

Kế toán


Trương Thị Dịu

Ngày 15 tháng 09 năm 2021

Hiệu trưởng


TRƯỜNG
MẦM NON
GIANG BIÊN
Hoàng Thị Phương

BẢNG LƯƠNG VIÊN CHỨC THƯỜNG 09 NĂM 2021
Lương cơ bản 1210.000

DVT: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	HỆ SỐ LƯU ON G	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp lương										Tổng trừ các khoản BH		TỔNG CỘNG	Ký nhận		
							PC CV	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	% PCT NN G	HS	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	HSP C ngàn h	Thành tiền	PCT N			Thực lĩnh	
I	Ban giám hiệu		10.45	12,644,500	1,337,673	11,316,827	1.2	#####	162,461	1,289,539	0.47	1.8256	2,206,976	221,945	1,977,031	4,077.5	4,933,775	0	0	1,712,079	19,527,172	
1	Hoàng Thị Phương	V.07.02.05	3.34	4,041,400	424,347	3,617,053	0.50	605,000	63,525	541,475	15%	0.5760	696,960	73,181	623,779	1,344	1,626,240			561,053	6,408,547	
2	Vũ Thị Kiều Anh	V.07.02.06	3.46	4,186,600	439,593	3,747,007	0.35	423,500	44,468	379,032	10%	0.6096	737,616	77,451	660,165	1,334	1,613,535			561,512	6,399,739	
3	Nguyễn Thị Ngân	V.07.02.05	3.65	4,416,500	463,733	3,952,767	0.35	423,500	44,468	379,032	16%	0.6400	774,400	81,313	693,087	1,400	1,694,000			589,514	6,718,886	
II	Nhân viên		6.12	7,405,200	777,546	6,627,654	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.3	363,000	777,546	6,990,654	
1	Trương Thị Diệu	06.032	3.26	3,944,600	414,183	3,530,417												0.1	121,000	414,183	3,651,417	
2	Phùng T Kim Ninh	01.004	2.86	3,460,600	363,363	3,097,237												0.2	242,000	363,363	3,339,237	
III	Giáo viên		86.59	104,773,900	11,001,262	93,772,638	0.00	0.00	0.00	0.00	2.71	8.64	10,457,662	1,087,994	9,359,668	30.31	#####	0.65	786,500	12,099,256	140,589,071	
1	Vũ Thị Hằng	V.07.02.06	3.96	4,791,600	503,118	4,288,482		0	0	0	25%	0.9900	1,197,900	125,780	1,072,120	1,386	1,677,060			628,898	7,037,662	
2	Nguyễn T Thu Dung	V.07.02.05	3.86	4,670,600	490,413	4,180,187		0	0	0	25%	0.9650	1,167,650	122,603	1,045,047	1,351	1,634,710		0	613,016	6,859,944	
3	Đào Thị Lan	V.07.02.05	3.96	4,791,600	503,118	4,288,482		0	0	0	25%	0.9900	1,197,900	125,780	1,072,120	1,386	1,677,060		0	628,898	7,037,662	
4	Nguyễn Thị Hương	V.07.02.05	3.96	4,791,600	503,118	4,288,482		0	0	0	25%	0.9900	1,197,900	125,780	1,072,120	1,386	1,677,060		0	628,898	7,037,662	
5	Nguyễn Hải Yến	V.07.02.05	3.34	4,041,400	424,347	3,617,053		0	0	0	13%	0.4342	525,382	55,165	470,217	1,169	1,414,490		0	479,512	5,501,760	
6	Tà T Thị Quỳnh Anh	V.07.02.05	3.34	4,041,400	424,347	3,617,053		0	0	0	14%	0.4676	565,796	59,410	506,386	1,169	1,414,490	0.15	181,500	483,757	5,719,429	
7	Vũ Thị Thuý	V.07.02.05	3.03	3,666,300	384,962	3,281,338		0	0	0	11%	0.3333	403,293	42,346	360,947	1,061	1,283,205	0.2	242,000	427,308	5,167,490	
8	Trần Thị Trà My	V.07.02.05	2.41	2,916,100	306,191	2,609,909		0	0	0	6%	0.1446	174,966	18,371	156,595	0.844	1,020,635		0	324,562	3,787,139	
9	Hoàng Yến	V.07.02.06	2.46	2,976,600	312,543	2,664,057		0	0	0	6%	0.1476	178,596	18,753	159,843	0.861	1,041,810		0	331,296	3,865,710	
10	Vũ Thị Huyền	V.07.02.05	2.72	3,291,200	345,576	2,945,624		0	0	0	9%	0.2448	296,208	31,102	265,106	0.952	1,151,920		0	376,678	4,362,650	
11	Nguyễn Thị Hải Yến	V.07.02.06	2.46	2,976,600	312,543	2,664,057		0	0	0	6%	0.1476	178,596	18,753	159,843	0.861	1,041,810		0	331,296	3,865,710	
12	Nguyễn Thị Hằng	V.07.02.06	2.86	3,460,600	363,363	3,097,237		0	0	0	10%	0.2860	346,060	36,336	309,724	1,001	1,211,210		0	389,689	4,618,171	
13	Nguyễn Thị My	V.07.02.05	2.41	2,916,100	306,191	2,609,909		0	0	0	6%	0.1446	174,966	18,371	156,595	0.844	1,020,635		0	324,562	3,787,139	
14	Nguyễn Thị Hoà	V.07.02.06	2.86	3,460,600	363,363	3,097,237		0	0	0	9%	0.2574	311,454	32,703	278,751	1,001	1,211,210	0.15	181,500	396,066	4,768,698	



STT	HỌ VÀ TÊN	Mã số	HỆ SỐ LƯU ON G	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp lương										Tổng cộng			
							PC CV	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	% PCT NN G	HS	Thành tiền	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	HSP C ngàn h	Thành tiền	PCT N	Thực lĩnh	Trừ các khoản BH
15	Nguyễn Thị Oanh	V.07.02.05	2.72	3,291,200	345,576	2,945,624			0		9%	0.2440	296,208	31,102	265,106	0.932	1,151,920		0	376,678
16	Bùi Thị Thu Hằng	V.07.02.06	2.66	3,218,600	337,953	2,880,647			0		9%	0.2394	289,674	30,416	259,258	0.931	1,126,510		0	368,369
17	Đào Thị Thanh Thủy	V.07.02.06	2.66	3,218,600	337,953	2,880,647			0		9%	0.2128	257,488	27,036	230,452	0.931	1,126,510		0	364,989
18	Nguyễn Thị Tran	V.07.02.06	2.66	3,218,600	337,953	2,880,647			0		9%	0.2128	257,488	27,036	230,452	0.931	1,126,510		0	364,989
19	Nguyễn Thị Hồn	V.07.02.05	2.72	3,291,200	345,576	2,945,624			0		8%	0.2176	263,296	27,646	235,650	0.952	1,151,920		0	373,222
20	Lê Thị Huệ	V.07.02.05	2.41	2,916,100	306,191	2,609,909			0		6%	0.1446	174,966	18,371	156,595	0.844	1,020,635		0	324,562
21	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.07.02.06	2.46	2,976,600	312,543	2,664,057			0		6%	0.1476	178,596	18,753	159,843	0.861	1,041,810		0	331,296
22	Đỗ Thị Hương	V.07.02.05	2.72	3,291,200	345,576	2,945,624			0		7%	0.1904	230,384	24,190	206,194	0.952	1,151,920		0	369,766
23	Lê Thị Liên	V.07.02.06	2.46	2,976,600	312,543	2,664,057			0		7%	0.1722	208,362	21,878	186,484	0.861	1,041,810		0	334,421
24	Nguyễn Thị Thuồng	V.07.02.05	2.41	2,916,100	306,191	2,609,909			0		5%	0.1205	145,805	15,310	130,495	0.844	1,020,635	0.15	181,500	321,501
25	Nguyễn Thị Hồng Phương	V.07.02.06	2.06	2,492,600	261,723	2,230,877			0							0.721	872,410		0	261,723
26	Trần Thị Hồng Liên	V.07.02.06	2.06	2,492,600	261,723	2,230,877			0							0.721	872,410		0	261,723
27	Nguyễn Thị Xen	V.07.02.06	2.46	2,976,600	312,543	2,664,057			0		8%	0.1968	238,128	25,003	213,125	0.861	1,041,810		0	337,546
28	Nguyễn Thùy Dương	V.07.02.06	2.1	2,541,000	266,805	2,274,195			0							0.735	889,350		0	266,805
29	Nguyễn Thị Bích Phương	V.07.02.06	2.1	2,541,000	266,805	2,274,195			0							0.735	889,350		0	266,805
30	Nguyễn Thị Mai Anh	V.07.02.06	2.1	2,541,000	266,805	2,274,195			0							0.735	889,350		0	266,805
31	Nguyễn Thị Nhung	V.07.02.06	2.1	2,541,000	266,805	2,274,195			0							0.735	889,350		0	266,805
32	Nguyễn Minh Yên	V.07.02.06	2.1	2,541,000	266,805	2,274,195			0							0.735	889,350		0	266,805
37	Tổng cộng		103.16	124,823,600	13,106,481	111,717,119	1.20	#####	152,461	1,239,539	3.18	10,4678	12,666,038	1,329,939	11,336,099	0.735	889,350	0.95	#####	14,588,881

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng/.

Kế toán

Ngày 09 năm 2021

Hiệu trưởng

Trương Thị Diu

